

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006

**CÔNG TY
XI MĂNG HÀ TIÊN 1**

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính năm 2006 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

- Công ty xi măng Hà tiên 1 là doanh nghiệp Nhà nước, thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt nam, được thành lập theo Quyết định số 062A/BXD-TCLĐ ngày 12/03/1993 của Bộ Xây dựng và đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 102335 ngày 09 tháng 10 năm 1993 do Trọng Tài Kinh tế TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Ngoài ra, trong năm 2000 Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6213/BKH-DN ngày 9/10/2000 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ưu đãi đầu tư cho dự án đầu tư cải tạo công trình xi măng Hà tiên 1. Cụ thể như sau:
 - Được hưởng suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25%
 - Được miễn thuế thu nhập một năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp cho 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư này mang lại.
 - Không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung
- Theo Quyết định số 773/QĐ – BXD ngày 11 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc thực hiện cổ phần hóa những doanh nghiệp thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam trong năm 2006, Công ty đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp, bán cổ phần Nhà nước (35% tổng số vốn Nhà nước) cho các nhà đầu tư và tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết khác để chuyển sang công ty cổ phần.
- **Vốn kinh doanh khi thành lập:** 157.522 triệu đồng
Trong đó:
 - Vốn ngân sách cấp 139.854 triệu đồng
 - Vốn doanh nghiệp tự bổ sung 17.668 triệu đồng
- Trụ sở chính của Công ty đặt tại:
Địa chỉ : Km số 8, xa lộ Hà nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : 8966608 - 8964484
Fax : 8967635
E-mail : ht1@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 0301446422-1
- Don vị trực thuộc:
 - + Ban Quản lý dự án:
Km số 8, Thủ Đức, TP.HCM.
 - + Xí nghiệp tiêu thụ và dịch vụ xi măng Hà tiên 1:
Số 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP.HCM.
 - + Xí nghiệp xây dựng:
Km số 8, Thủ Đức, TP.HCM.
- Hoạt động chính của Công ty là:
 - Sản xuất xi măng và cung ứng cho các khách hàng trên địa bàn các tỉnh: Bình Thuận, Lâm Đồng, Đồng Nai, Sông Bé, Bà Rịa-Vũng Tàu, Long An, Tây Ninh và TP. Hồ Chí Minh.
 - Nhập khẩu clinker bao đảm cho yêu cầu sản xuất và nhập khẩu xi măng khi cần thiết để đáp ứng nhu cầu phát triển của TP. Hồ Chí Minh.



TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2006 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 32).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ngoài sự kiện nêu tại Thuyết minh số VIII.1, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2006 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Ban điều hành, quản lý

Thành viên Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc	01/6/1999
Ông Trần Duy Sơn	Phó Giám đốc	01/9/1993
Ông Ngô Minh Lãng	Phó Giám đốc	01/2/2001
Ông Hoàng Kim Cường	Phó Giám đốc	01/9/1993
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Trưởng phòng kế toán thống kê tài chính	01/7/2003

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2006, phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Ngọc Anh - Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2007





www.auditconsult.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dung Khun St., District 1, Hochiminh City
 Branch in Hanoi : 877 Hoang Ha St., Hoan Kiem District, Ha Noi City
 Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
 Branch in Can Tho : 162C4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City

- Tel: (08) 8 272 295 - Fax: (84-8) 8 272 300
 Tel: (04) 9 324 133 - Fax: (84-4) 9 324 113
 Tel: (058) 876 555 - Fax: (84-58) 875 327
 Tel: (071) 764 995 - Fax: (84-71) 764 996

Số: 0277/2007/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2006 CỦA CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIÊN 1

KÍNH GỬI:

BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2006 của Công ty xi măng Hà Tiên 1 gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2007, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cẩn thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề liên quan đến việc Công ty chưa ghi nhận chi phí vận chuyển nguyên liệu, chưa tính lại khấu hao theo nguyên giá đã được xác định lại trong giá trị doanh nghiệp (xem thuyết minh số IV.5), trích hai quý khen thưởng, phúc lợi (xem thuyết minh số IV.21) căn cứ vào chỉ tiêu thu phát sinh phải nộp không khấu trừ thuế GTGT đầu vào và việc tạm phân phôi lợi nhuận (xem thuyết minh số IV.21) đối với các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính để cập dã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty xi măng Hà Tiên 1 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lê Minh Tài - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0084/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2007

Hồ Văn Tùng - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0092/KTV

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.761.970.637.745	599.818.079.002
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	870.221.989.637	121.407.896.024
1. Tiền	111		870.221.989.637	121.407.896.024
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giám giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		485.071.926.918	104.430.463.580
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	91.978.512.396	77.045.789.889
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	272.775.986.319	13.773.682.036
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.4	113.765.028.516	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	6.552.399.687	13.610.991.655
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		390.643.009.892	369.989.068.423
1. Hàng tồn kho	141	V.6	390.643.009.892	369.989.068.423
2. Dự phòng giám giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.033.711.298	3.990.650.975
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.236.586.358	1.425.598.916
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.363.114.945	1.612.213.424
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		434.009.995	952.838.635

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		906.267.893.950	1.156.458.039.287
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		729.515.612.950	322.809.039.388
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	383.851.903.264	110.871.891.600
<i>Nguyên giá</i>	222		672.522.769.310	691.212.375.988
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(288.670.866.046)	(580.340.484.388)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	87.087.434.806	22.899.023.354
<i>Nguyên giá</i>	228		89.952.330.920	25.192.008.980
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.864.896.114)	(2.292.985.626)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	258.576.274.880	189.038.124.434
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	833.648.999.899
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	-	833.648.999.899
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		176.752.281.000	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	176.752.281.000	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.668.238.531.695	1.756.276.118.289

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.839.607.714.662	652.691.595.523
I. Nợ ngắn hạn	310		1.502.433.132.591	500.688.956.138
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	309.994.356.464	328.462.906.295
2. Phải trả người bán	312	V.13	166.403.837.947	136.423.900.702
3. Người mua trả tiền trước	313		850.597.850	701.165.004
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	19.285.952.926	16.883.682.347
5. Phải trả người lao động	315	V.15	9.973.974.145	16.181.095.499
6. Chi phí phải trả	316	V.16	8.858.082.342	287.252.670
7. Phải trả nội bộ	317	V.17	70.384.311.106	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	916.682.019.811	1.748.953.621
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		337.174.582.071	152.002.639.385
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	82.810.000
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	337.174.582.071	142.383.008.790
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.20	-	9.536.820.595
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		828.630.817.033	1.103.584.522.766
I. Vốn chủ sở hữu	410		828.630.817.033	1.097.852.795.791
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	828.543.463.882	991.249.100.522
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.21	87.353.151	(36.652.769)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	-	66.100.098.038
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	-	40.540.250.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	-	-
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	5.731.726.975
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.22	-	5.731.726.975
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		<u>2.668.238.531.695</u>	<u>1.756.276.118.289</u>

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		5.659,82	48.892,66
Euro (EUR)		19,67	784,05
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2007



Võ Thùy Vân
Người lập biểu

Phạm Đình Nhật Cường
Trưởng phòng tài chính kế toán

Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2006

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	2.137.235.177.403	1.973.556.730.066
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	2.137.235.177.403	1.973.556.730.066
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	1.927.130.959.485	1.792.443.788.058
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		210.104.217.918	181.112.942.008
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	4.495.377.307	7.161.968.858
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	39.523.619.701	38.188.489.056
Trong đó: chi phí lãi vay	23		29.372.980.077	28.534.406.135
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	73.037.996.595	50.173.017.542
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	39.145.872.361	40.653.174.088
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		62.892.106.568	59.260.230.180
11. Thu nhập khác	31	VL.7	5.870.341.016	7.466.406.809
12. Chi phí khác	32	VL.8	2.741.683.527	1.712.832.265
13. Lợi nhuận khác	40		3.128.657.489	5.753.574.544
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66.020.764.057	65.013.804.724
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	12.650.034.793	15.320.161.843
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>53.370.729.264</u>	<u>49.693.642.881</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

TP.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2007



Võ Thùy Vân
Người lập biểu

Phạm Đình Nhật Cường
Trưởng phòng tài chính kế toán

Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2006

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		66.020.764.057	65.013.804.724
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khâu hao tài sản cố định	02		33.905.260.188	61.307.419.579
- Các khoản dự phòng	03		-	(16.951.537.682)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(36.652.769)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.844.482.593)	(7.353.561.488)
- Chi phí lãi vay	06	V1.4	29.372.980.077	28.534.406.135
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		127.454.521.729	130.513.878.499
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(280.164.106.719)	47.766.546.434
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(63.831.783.052)	(97.848.074.238)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		937.560.425.579	12.799.909.940
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.618.000.490)	(1.425.598.916)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(31.750.840.610)	(28.377.496.076)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.14	(7.659.714.109)	(19.781.806.253)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(22.087.223.725)	(45.580.751.449)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		656.903.278.603	(1.933.392.059)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(86.599.504.459)	(159.574.114.581)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	315.296.019	2.015.705.221
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.052.915.079
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V1.3	1.872.000.000	5.334.632.192
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(84.412.208.440)	(150.170.862.089)

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Kín số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33 V.12&19	1.123.744.997.763	448.331.432.178	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34 V.12&19	(947.421.974.313)	(311.358.940.879)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>176.323.023.450</i>	<i>136.972.491.299</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>748.814.093.613</i>	<i>(15.131.762.849)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	121.407.896.024	136.539.658.873
Ảnh hưởng của thay đổi lý giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>870.221.989.637</u>	<u>121.407.896.024</u>

TP.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2007


Vy Thùy Vân
Người lập biểu


Phạm Đình Nhật Cường
Trưởng phòng tài chính kế toán




Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xã lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2006

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Nhà nước. Là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất xi măng và cung ứng cho các khách hàng trên địa bàn các tỉnh: Bình Thuận, Lâm Đồng, Đồng Nai, Sông Bé, Bà Rịa-Vũng Tàu, Long An, Tây Ninh và TP. Hồ Chí Minh. Nhập khẩu clinker bao dám cho yêu cầu sản xuất và nhập khẩu xi măng khi cần thiết để đáp ứng cho nhu cầu phát triển của TP. Hồ Chí Minh.
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Công ty đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp và bán 35% phần vốn Nhà nước cho các nhà đầu tư khác. Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông vào ngày 27-12-2006, hiện nay, công ty đang xúc tiến các thủ tục để chuyển từ Công ty nhà nước thành Công ty cổ phần từ ngày 18-01-2007.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Trong năm 2006 các khoản nguyên liệu lỗi thời, không cần dùng trị giá trên 43 tỷ đồng đã được xử lý vào quỹ dự phòng tài chính và nguồn vốn khi công ty thực hiện xác định lại giá trị doanh nghiệp.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Giá trị tài sản của công ty được đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 27/9/2006 của Công ty Kiểm toán Việt Nam và được đánh giá bổ sung theo Báo cáo thẩm tra giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa ngày 5/10/2006 của Vụ Kinh tế Tài chính - Bộ Xây dựng. Kết quả đánh giá lại tài sản của Công ty được Bộ Xây dựng phê duyệt bởi Quyết định số 1483/QĐ-BXD ngày 01/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.



CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Riêng hệ thống máy nghiên cứu, từ năm 2001 đến 2005 Công ty đã áp dụng tỷ lệ khấu hao nhanh là 33,4% trên giá trị còn lại của tài sản cố định kể từ năm 2002, theo Công văn số 2249/TC/TCDN ngày 13/3/2003 của Bộ Tài chính. Với mức khấu hao nhanh trong năm cuối 2006 là 40.430.513.034đ.

Tuy nhiên, trong 6 tháng năm 2006, được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị Tổng công ty Xi măng Việt Nam, Công ty đã thay đổi từ phương pháp khấu hao nhanh như trên sang phương pháp khấu hao theo đường thẳng, tổng số trích khấu hao của hệ thống máy nghiên cứu trong năm 2006 là: 13.476.837.678đ.

Ngoài ra, chi phí khấu hao kể từ thời điểm chính thức xác định giá trị doanh nghiệp là tháng 10 năm 2006 chưa được tính lại theo nguyên giá tài sản cố định đã được đánh giá lại giá trị.

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí trong kỳ khi phát sinh.

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đèn bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Cụ thể như sau:

Giá trị quyền sử dụng đất: tiền chuyển nhượng 20 ha đất của Công ty Thi công cơ giới (Bộ Xây dựng) tại Phước Cổ, Thành phố Vũng Tàu vào năm 1997. Giá trị quyền sử dụng đất được đánh giá tăng lên 65 tỷ đồng theo các văn bản đã được đề cập ở Thuyết minh số IV.5. Cơ sở đánh giá là giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu công bố theo Quyết định số 4836/QĐ-UBND ngày 16/12/2005.

Chi phí đèn bù: các chi phí bồi thường và hỗ trợ về đất đai, nhà cửa, cây trồng cho các hộ dân cư ngụ tại mỏ đá Vĩnh Tân di dời đi nơi khác. Mức đèn bù theo Quyết định số 728/QĐ-CT-UBT ngày 12/3/2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai. Chi phí đèn bù phân bổ trong 10 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Lợi thế thương mại

Đây là giá trị thương hiệu của Công ty được xác định bởi Công ty kiểm toán Ernst & Young theo Báo cáo định giá ngày 25/6/2006 và được định giá lại theo Báo cáo thẩm tra giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa ngày 5/10/2006 của Vụ Kinh tế Tài chính - Bộ Xây dựng.

10. Chi phí, chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí được ghi nhận khi phát sinh.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất là 28% theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ngoài ra, Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6213/BKH-DN ngày 09/10/2000 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ưu đãi đầu tư cho dự án đầu tư cải tạo công trình xi măng Hà tiên 1. Cụ thể như sau:

- Được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25%
- Được miễn thuế thu nhập một năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp cho 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư này mang lại.

Năm 2006 là năm thứ tư công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm và hưởng thuế suất 25% cho phần thu nhập còn lại do đầu tư cải tạo công trình xi măng Hà tiên 1.

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Phường Trường Thụ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

12. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái).

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2005 : 15.875 VND/USD

31/12/2006 : 16.091 VND/USD

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁNG CÂN ĐỒI KÊ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	273.116.056	581.752.101
Tiền gửi ngân hàng	869.948.873.581	120.826.143.923
Cộng	870.221.989.637	121.407.896.024

1.1. Tiền mặt

Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng công ty	48.014.035	471.889.895
Ban Quản lý dự án	71.838.080	71.495.660
Xí nghiệp tiêu thụ	152.253.211	33.783.516
Xí nghiệp xây dựng	1.010.730	4.583.030
Cộng	273.116.056	581.752.101

1.2. Tiền gửi ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Công thương Việt Nam - Sở Giao dịch II	9.248.384.894	13.604.216.400
Công thương Việt Nam - CN 14	20.314.857.525	14.277.661.455
Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai	7.835.079	3.205.854
Công thương Việt Nam - CN Bình Phước	2.088.687	202.938
Nông nghiệp & phát triển nông thôn-CN Quận 4	3.245.122.352	11.510.337.774
Nông nghiệp & phát triển nông thôn - CN Nhà Bè	1.012.729	-
Nông nghiệp & phát triển nông thôn - CN TP.HCM	1.009.600	-
Dầu tư & phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II	674.093.183.030	43.260.742.248
Dầu tư & phát triển Việt Nam - CN TP.HCM	28.236.229	221.596.160
NH Dầu tư & phát triển VN - CN Tây Ninh	1.010.242	-
NII Đầu tư & phát triển VN - CN Bình Phước	1.010.242	-
Ngân hàng Ngoại thương TP. HCM	1.111.169.850	1.730.596.229
Ngân hàng Ngoại thương VN - CN Bình Dương	1.009.735	-
CITIBANK	161.108.825	32.160.109.948
Ngân hàng ABN AMRO	647.342.537	196.957.771
ANZ Bank	160.129.613.814	3.860.517.146
Ngân hàng NN & PTNT Bình Phước	2.359.765	-
Ngân hàng Á Châu - CN Đồng Nai	952.518.445	-
Cộng	869.948.873.581	120.826.143.923

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
DNTN Thương mại Đức Toàn	6.592.179.500	5.244.318.650
DNTN Tân Xuân Anh	16.686.485.103	10.554.003.550
CTY TNHH Chấn Long	3.050.662.100	281.432.500
CTy CP VLXD & TINT	8.675.542.100	6.217.711.250
CTy vật tư XD TP	1.830.240.000	2.000.406.000
CH VLXD 815	579.290.500	188.150.250
CTy XD & KS Bình Thuận	3.661.478.000	-
DNTN Việt Hồng	2.246.911.450	1.475.579.700
Cty TNHH TMXD CĐ Linh Thuận	10.939.584.290	-
CTY TNHH An Khang	3.426.705.000	2.259.405.000
DNTN Misa	524.670.800	945.867.550
Cty TNHH Mai Long Phước	3.606.682.290	10.952.820.600
Cty TNHH DV TM SX Tự Phước	660.200.000	805.248.250
Cty CPTM Bình Định	875.230.000	-
Cty TNHH BT LAFARGE VN	17.114.842.400	23.329.887.640
Cty CP PT KTXD	3.218.741.783	-
Công ty CP bao bì XM Hải Phòng	4.967.937.078	7.622.061.225
Các khách hàng khác	3.321.130.002	5.168.897.724
Cộng	91.978.512.396	77.045.789.889

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Viện máy và dụng cụ công nghiệp	3.563.269.775	4.078.555.775
Công ty xây dựng số 9 - Vinaconex	-	3.409.849.705
CTY HAVER & BOECKER	5.309.372.901	-
LOESCHE	37.230.357.657	-
POLYSIUS	204.545.378.879	-
Các nhà cung cấp khác	22.127.607.107	6.285.276.556
Cộng	272.775.986.319	13.773.682.036

4. Phải thu nội bộ ngắn hạn

Các khoản vay và lãi vay của dự án liên doanh Xi măng Holcim Việt Nam được bàn giao về cho Tổng công ty Xi măng Việt Nam khi cổ phần hóa Công ty. Do công ty trực tiếp trả nợ cho các ngân hàng nên Công ty tiếp tục theo dõi và trả nợ hộ cho Tổng công ty Xi măng Việt Nam. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ vay của dự án Holcim ⁽¹⁾	108.709.429.500	-
Lãi vay của dự án Holcim	5.055.599.016	-
Cộng	113.765.028.516	-

⁽¹⁾ Xem thuyết minh số V.12 và V.19

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cô tức phải thu Công ty CP vận tải Hà tiên	1.728.000.000	1.728.000.000
Phải thu chi phí cổ phần hóa	995.832.900	-
Thuế giá trị gia tăng chưa được khấu trừ	-	11.262.481.255
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	1.131.155.556	27.388.889
Các khoản phải thu khác	2.697.411.231	593.121.511
Cộng	6.552.399.687	13.610.991.655

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	24.838.650.493	11.665.799.613
Nguyên liệu, vật liệu	261.896.817.119	323.464.439.054
Công cụ, dụng cụ	583.181.407	1.221.043.163
Chi phí sản xuất, kinh doanh chờ dang	49.144.672.323	12.932.813.418
Thành phẩm	54.179.688.550	20.704.973.175
Cộng	390.643.009.892	369.989.068.423

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	284.041.667.420	344.466.110.378	46.863.955.299	10.028.206.480	5.812.436.411	691.212.375.988
Mua trong năm	50.000.000	1.543.161.719	269.495.124	441.938.165	-	2.307.595.008
Đầu tư XDCB hoàn thành	7.014.630.266	7.126.159.099	-	-	-	14.440.789.365
Tăng do đánh giá lại TS	13.903.407.594	-	-	-	-	13.903.407.594
Tăng khác	-	-	3.228.946.851	230.415.154	1.332.007.700	4.791.369.703
Thanh lý, nhượng bán	(12.807.143.842)	(6.637.281.626)	(1.449.070.911)	(287.468.024)	-	(21.180.964.403)
Giảm do đánh giá lại TS	-	-	(923.491.030)	(868.471.766)	-	(1.791.962.796)
Bán giao cho cty QL nợ & KT TS	(345.065.281)	(16.232.531.658)	(1.685.538.891)	(1.386.311.546)	-	(19.649.447.376)
Giảm khác	(111.604.096)	(3.474.985.568)	(779.360.000)	(7.144.444.111)	(11.510.393.775)	-
Số cuối năm	291.745.892.061	327.090.632.344	45.524.936.442	8.161.308.463	-	672.522.769.310
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	256.086.717.277	277.512.835.145	32.657.485.010	8.314.872.848	5.768.574.108	580.340.484.388
Khâu hao trong năm	9.888.686.139	18.680.821.489	3.953.722.561	738.320.880	67.193.233	33.328.744.302
Tăng khác	-	1.316.925.977	855.959.404	74.776.770	894.191.010	3.141.853.161
Thanh lý, nhượng bán	(12.807.143.842)	(6.637.281.626)	(1.449.070.911)	(287.468.024)	-	(21.180.964.403)
Bán giao cho cty QL nợ & KT TS	(345.065.281)	(16.181.457.056)	(1.685.538.891)	(1.386.311.546)	-	(19.598.372.774)
Giảm do đánh giá lại TS	(158.262.762.571)	(108.575.229.214)	(10.871.266.496)	-	-	(277.709.258.281)
Giảm khác	-	(1.161.552.884)	-	(1.760.109.112)	(6.729.958.351)	(9.651.620.347)
Số cuối năm	94.560.431.722	164.955.061.831	23.461.290.677	5.694.081.816	-	288.670.866.046
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	27.934.950.143	66.953.275.233	14.206.470.289	1.713.333.632	43.862.303	110.871.891.600
Số cuối năm	197.185.460.339	162.135.570.513	22.063.645.765	2.467.226.647	-	383.851.903.264

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	22.877.385.660	2.314.623.320	25.192.008.980
Tăng trong năm	65.000.000.000	312.969.640	65.312.969.640
<i>Mua trong năm</i>	-	312.969.640	312.969.640
<i>Tăng khác</i> ⁽¹⁾	65.000.000.000	-	65.000.000.000
Giảm trong năm	(552.647.700)	-	(552.647.700)
<i>Giảm khác</i>	(552.647.700)	-	(552.647.700)
Số cuối năm	87.324.737.960	2.627.592.960	89.952.330.920
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	655.549.428	1.637.436.198	2.292.985.626
Tăng trong năm	154.182.026	422.333.860	576.515.886
<i>Khấu hao trong năm</i>	154.182.026	422.333.860	576.515.886
Giảm trong năm	(4.605.398)	-	(4.605.398)
<i>Giảm khác</i>	(4.605.398)	-	(4.605.398)
Số cuối năm	805.126.056	2.059.770.058	2.864.896.114
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	22.221.836.232	677.187.122	22.899.023.354
Số cuối năm	86.519.611.904	567.822.902	87.087.434.806

(1) Đánh giá lại tài sản vô hình khi công ty được cổ phần hóa (xem thuyết minh số IV.7)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản tự làm	-	490.144.337
Chi phí XDCB tự làm tại XNXD	240.274.929	913.205.317
Chi phí xây dựng cơ bản thuê ngoài	762.151.144	192.578.669
CP dự án Bình Phước	134.693.763.563	72.797.461.532
CP dự án Trạm nghiên XMQ.9	62.374.066.476	59.942.240.321
CP dự án Mỏ đá Vĩnh Tân	46.794.691.951	41.606.556.095
CP dự án hệ thống tiếp nhận XM Jumbo	2.567.260.000	735.011.729
CP dự án dây chuyền SX vữa công nghiệp	-	2.250.691.516
CP dự án dây chuyền SX gạch không nung	-	5.577.938.583
CP dự án Văn phòng 360 Bến Chương Dương	784.351.729	687.706.444
Các dự án khác	-	360.486.599
CP cải tạo dây nhà ngang khu biệt thự Muôn Hồng	23.037.076	-
Sửa chữa lớn tự làm	8.502.719.790	-
Sửa chữa lớn thuê ngoài	1.833.958.222	3.184.103.292
Cộng	258.576.274.880	189.038.124.434

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần vận tải Hà Tiên	-	15.446.100.000
Công ty xi măng Holcim Việt Nam	-	814.863.899.899
Công ty TNHH bê tông Lafarge Việt Nam	-	3.339.000.000
Cộng	-	833.648.999.899

Các khoản đầu tư này đã được chuyển về cho Tổng công ty quản lý theo quy định khi công ty được cổ phần hóa.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Đây là Lợi thế thương mại xác định dựa trên giá trị thương hiệu của Công ty Xi măng Hà Tiên 1.

12. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	258.580.186.664	259.480.679.163
Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Sở Giao dịch II bằng USD để thanh toán L/C nhập khẩu	132.605.212.859	41.515.191.608
Vay Ngân hàng Ngoại thương VN - chi nhánh TP.HCM bằng USD để thanh toán L/C nhập khẩu	79.291.794.805	94.295.796.295
Vay Ngân hàng ANZ - Chi nhánh TP.HCM bằng USD và VND để bổ sung vốn lưu động	46.683.179.000	30.000.000.000
Vay của Ngân hàng Citibank - Chi nhánh TP.HCM.	-	79.000.000.000
Vay của Ngân hàng Đầu tư & phát triển - Sở Giao dịch II.	-	14.669.691.260
Nợ dài hạn đến hạn trả⁽¹⁾	51.414.169.800	68.982.227.132
Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Sở Giao dịch II	17.942.084.900	17.956.084.900
Vay Ngân hàng Ngoại thương VN - chi nhánh TP.HCM	14.842.084.900	14.828.084.900
Vay của Ngân hàng Đầu tư & phát triển - Sở Giao dịch I	-	1.501.389.332
Vay của Ngân hàng Đầu tư & phát triển - Sở Giao dịch II.	8.000.000.000	24.066.668.000
Vay của Ngân hàng Đầu tư & phát triển - chi nhánh TP.HCM	10.630.000.000	10.630.000.000
Cộng	309.994.356.464	328.462.906.295

⁽¹⁾ Xem thuyết minh số VI.19.

Đây là các khoản vay tín chấp.

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Số đầu năm				
Vay ngắn hạn ngân hàng	259.480.679.163	875.746.278.525	(876.646.771.024)	258.580.186.664
Vay dài hạn đến hạn trả	68.982.227.132	53.207.145.957	(70.775.203.289)	51.414.169.800
Cộng	328.462.906.295	875.746.278.525	947.421.974.313	309.994.356.464

13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Siam City Cement Public Co., Ltd	31.969.601.216	38.242.068.550
Công ty cổ phần vận tải và thương mại Quốc tế	2.653.063.800	15.320.543.113
Công ty cổ phần vận tải Hà Tiên	9.632.624.560	10.766.978.941
Công ty xi măng Hoàng Mai	-	1.452.232.530
Công ty kỹ thuật xây dựng & vật liệu xây dựng		
Cotec	1.147.617.676	28.055.391.170
Công ty xi măng Tam Diệp	50.427.479.575	9.516.138.504
Các nhà cung cấp khác	70.573.451.120	33.070.547.894
Cộng	166.403.837.947	136.423.900.702

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
<i>Thuế phải nộp Nhà nước</i>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	274.944.593	19.862.095.143	19.774.989.936	362.049.800
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	10.508.204.095	124.923.275.769	126.337.986.728	9.093.493.136
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	5.367.483.216	62.558.583.140	63.670.318.617	4.255.747.739
Thuế thu nhập doanh nghiệp	234.029.913	12.650.034.793	7.659.714.109	5.224.350.597
Thuế thu nhập cá nhân	499.020.530	1.708.450.694	1.875.486.690	331.984.534
Thuế tài nguyên	-	245.693.370	227.366.250	18.327.120
Thuế nhà đất	-	12.045.690	12.045.690	-
Tiền thuê đất	-	2.643.581.000	2.643.581.000	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
<i>Các khoản phải nộp khác</i>	-	7.000.000	7.000.000	-
Cộng	16.883.682.347	224.610.759.599	222.208.489.020	19.285.952.926

Thuế giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế: phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị tăng:

- Xi măng, gạch, vữa, clinker v.v...: 10%
- Cát tiêu chuẩn, phế liệu, v.v...: 5%

Thuế xuất nhập khẩu: Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh IV.11.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	66.020.764.057	65.013.804.724
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	6.375.255.645	13.763.365.612
- Các khoản điều chỉnh giảm	(11.357.383.884)	(5.562.112.800)
Tổng thu nhập chịu thuế	61.038.635.818	73.215.057.536
Thu nhập được miễn thuế ⁽¹⁾	14.325.107.214	16.709.852.474
Thu nhập được hưởng thuế suất ưu đãi ⁽¹⁾	14.325.107.214	16.709.852.474
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	25%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</i>	3.581.276.804	4.177.463.118
Thu nhập chịu thuế suất phổ thông	32.388.421.390	39.795.352.589
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	28%	28%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</i>	9.068.757.989	11.142.698.725
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại</i>	-	-
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	12.650.034.793	15.320.161.843

⁽¹⁾ Tỷ lệ thu nhập được hưởng ưu đãi là 46,94%

Thuế tài nguyên

Nộp trên sản lượng đá khai thác tại mỏ đá Vĩnh Tân, với thuế suất là 4%.

Tiền thuê đất

Nộp theo các Hợp đồng thuê đất của kho, văn phòng, nhà cửa tại Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng và mỏ đá tại Vĩnh Tân, Đồng Nai.

Thuê nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả công nhân viên	9.973.974.145	16.181.095.499
Phải trả người lao động khác	-	-
Cộng	9.973.974.145	16.181.095.499

16. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả và chi phí khác	8.276.639.712	287.252.670
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	581.442.630	-
Cộng	8.858.082.342	287.252.670

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chu kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Phải trả nội bộ

Quỹ đầu tư phát triển còn phải nộp về Tổng công ty Xi măng Việt Nam.

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	414.999.892	593.447.062
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.385.630.533	-
Tiền thu bán cổ phần chưa quyết toán và nộp về cho Nhà nước, cũng như chưa ghi tăng nguồn vốn	905.776.322.500	-
Các khoản phải trả khác	2.105.066.886	1.155.506.559
Cộng	916.682.019.811	1.748.953.621

19. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn

Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Sở Giao dịch II để tài trợ cho Dự án Công ty xi măng Holcim Việt Nam với lãi suất từ 0,75% - 0,8%/tháng, thời hạn vay từ 10 - 11 năm và dự án cải tạo môi trường với lãi suất từ 8,8%/năm, thời hạn vay 10 năm.

Vay Ngân hàng Ngoại thương VN - chi nhánh TP.HCM đồng tài trợ cho Dự án Công ty xi măng Holcim Việt Nam với Ngân hàng Công thương Việt Nam - Sở Giao dịch II. Lãi suất từ 0,75% - 0,8%/tháng. Thời hạn vay từ 10 - 11 năm.

Vay của Ngân hàng Đầu tư & phát triển - Sở Giao dịch II để cải tạo môi trường, đầu tư mỏ đá, dây chuyền bao dán. Lãi suất 0,75%/tháng. Thời hạn vay 6 năm.

Vay của Ngân hàng Đầu tư & phát triển - Chi nhánh TP.HCM để cải tạo môi trường với lãi suất là 0,75%/tháng. Thời hạn vay là 7 năm

Vay của Ngân hàng Đầu tư & phát triển - Sở Giao dịch II để tài trợ dự án trạm nghiên Quận 9 với khoản tín dụng tối đa là 293,5 tỷ đồng. Lãi suất là lãi tiết kiệm 12 tháng + 3,2%/năm. Thời hạn vay 10 năm.

Vay hợp vốn của 8 Ngân hàng thương mại Nhà nước do Ngân hàng Đầu tư & phát triển - Sở Giao dịch II làm đầu mối để tài trợ cho dự án Xi măng Bình Phước với khoản tín dụng tối đa là 1.980 tỷ đồng. Lãi suất là lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2,5%/năm, phí cam kết là 0,1%/năm và phí đầu mối là 0,05%/năm. Thời hạn vay 11 năm.

Cộng

Đây là các khoản vay tin chấp.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn		
Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Sở Giao dịch II để tài trợ cho Dự án Công ty xi măng Holcim Việt Nam với lãi suất từ 0,75% - 0,8%/tháng, thời hạn vay từ 10 - 11 năm và dự án cải tạo môi trường với lãi suất từ 8,8%/năm, thời hạn vay 10 năm.	39.921.057.157	57.863.142.057
Vay Ngân hàng Ngoại thương VN - chi nhánh TP.HCM đồng tài trợ cho Dự án Công ty xi măng Holcim Việt Nam với Ngân hàng Công thương Việt Nam - Sở Giao dịch II. Lãi suất từ 0,75% - 0,8%/tháng. Thời hạn vay từ 10 - 11 năm.	32.012.117.643	46.854.202.543
Vay của Ngân hàng Đầu tư & phát triển - Sở Giao dịch II để cải tạo môi trường, đầu tư mỏ đá, dây chuyền bao dán. Lãi suất 0,75%/tháng. Thời hạn vay 6 năm.	6.628.251.850	16.404.329.785
Vay của Ngân hàng Đầu tư & phát triển - Chi nhánh TP.HCM để cải tạo môi trường với lãi suất là 0,75%/tháng. Thời hạn vay là 7 năm	10.631.334.405	21.261.334.405
Vay của Ngân hàng Đầu tư & phát triển - Sở Giao dịch II để tài trợ dự án trạm nghiên Quận 9 với khoản tín dụng tối đa là 293,5 tỷ đồng. Lãi suất là lãi tiết kiệm 12 tháng + 3,2%/năm. Thời hạn vay 10 năm.	37.125.661.378	
Vay hợp vốn của 8 Ngân hàng thương mại Nhà nước do Ngân hàng Đầu tư & phát triển - Sở Giao dịch II làm đầu mối để tài trợ cho dự án Xi măng Bình Phước với khoản tín dụng tối đa là 1.980 tỷ đồng. Lãi suất là lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2,5%/năm, phí cam kết là 0,1%/năm và phí đầu mối là 0,05%/năm. Thời hạn vay 11 năm.	210.856.159.638	
Cộng	337.174.582.071	142.383.008.790

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn:

	Số đầu năm	Tăng khác	Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	142.383.008.790	247.998.719.238		53.207.145.957	337.174.582.071

20. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	9.536.820.595
Số trích lập trong năm	32.932.550
Tăng khác	-
Số chi trong năm	(87.532.350)
Giảm khác	(9.482.220.795)
Số cuối năm	-

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Việc trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Việc phân phối lợi nhuận của Công ty căn cứ vào Thông tư 11/2007/TT-BTC ngày 08/02/2007 của Bộ Tài chính, trong đó chỉ tiêu số phải nộp ngân sách của thuế giá trị gia tăng công ty dựa vào số thuế giá trị gia tăng đầu ra phát sinh, không phải dựa vào số thuế giá trị gia tăng đầu ra phát sinh đã trừ đi số thuế giá trị tăng đầu vào được khấu trừ.

Việc phân phối lợi nhuận trong năm 2006 chỉ là tạm tính. Việc phân phối chính thức sẽ được thực hiện cho toàn bộ giai đoạn công ty còn là Doanh nghiệp Nhà nước (từ 01/01/2006 đến 17/01/2007).

Quỹ đầu tư phát triển dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tồn thaat, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích lập từ					Số cuối năm
	Số đầu năm	lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	
Quỹ khen thưởng	3.535.296.391	8.698.312.642	4.900.999	10.792.480.001	1.446.130.031	-
Quỹ phúc lợi	2.196.430.584	8.498.313.641	5.913.336.041	17.213.079.764	(604.999.498)	-
Cộng	5.731.726.975	17.196.627.283	5.918.336.040	28.005.559.765	841.130.533	-

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHI TIẾT CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.137.235.177.403	1.973.556.730.066
Xi măng	2.111.557.500.400	1.934.971.050.259
Vữa xây tô	7.221.019.712	3.919.691.570
Gạch	6.113.521.818	3.206.694.401
Cát tiêu chuẩn	1.945.559.588	2.169.251.665
Clinker	1.417.626.912	19.295.610.286
Phế liệu	5.486.189.775	2.179.061.592
Vật liệu phụ, phụ tùng	241.864.259	7.161.869.470
Dịch vụ khác	454.298.805	653.500.823
Hàng hóa khác	2.797.296.134	-
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	2.137.235.177.403	1.973.556.730.066

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Xi măng	1.908.136.146.122	1.767.571.682.521
Vữa xây tô	9.885.439.420	5.424.542.508
Gạch	5.579.544.888	4.246.969.793
Cát tiêu chuẩn	2.061.298.330	2.273.206.682
Clinker	1.227.115.054	19.472.134.592
Phế liệu	46.790.200	13.587.074
Dịch vụ khác	-	-
Vật liệu phụ, phụ tùng	194.625.471	10.393.202.570
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(16.951.537.682)
Cộng	1.927.130.959.485	1.792.443.788.058

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.553.955.313	1.458.190.368
Cô tức được chia	1.872.000.000	5.334.632.192
Lãi chênh lệch tỷ giá	69.421.994	369.146.298
Cộng	4.495.377.307	7.161.968.858

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Kim số 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	29.372.980.077	28.534.406.135
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.696.071.460	5.200.433.304
Chiết khấu thanh toán	4.454.568.164	4.453.649.617
Cộng	39.523.619.701	38.188.489.056

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	8.206.617.223	7.495.303.142
Chi phí vật liệu, bao bì	1.162.139.545	1.100.474.667
Chi phí khấu hao, sửa chữa lớn tài sản cố định	1.032.418.949	783.700.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.171.050.638	27.155.559.251
Chi phí khuyến mãi	21.418.165.843	6.043.176.999
Chi phí quảng cáo	5.151.765.353	4.968.348.693
Chi phí bằng tiền khác	3.171.270.183	2.626.454.245
Chi phí tương ứng với doanh thu hàng hóa mua ngoài để khuyến mại (mục 1)	2.724.568.861	-
Cộng	73.037.996.595	50.173.017.542

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	19.843.298.057	19.255.232.771
Chi phí vật liệu quản lý	3.226.826.050	3.530.200.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.337.979.050	3.585.632.119
Thuế, phí và lệ phí	4.473.443.294	2.505.260.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.157.800.191	4.964.722.553
Chi phí bằng tiền khác	2.106.525.719	6.812.125.324
Cộng	39.145.872.361	40.653.174.088

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý tài sản cố định	315.296.019	2.015.705.221
Các khoản nợ không ai đòi	-	311.895.484
Thu thường giải phóng tàu nhanh	2.254.492.252	3.467.946.761
Thu phạt vi phạm hợp đồng	206.479.063	1.646.131.418
Thu khác	3.094.073.682	24.727.925
Cộng	5.870.341.016	7.466.406.809

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi thường giải phóng tàu nhanh	2.578.943.796	1.708.055.865
Chi nộp phạt thuế	-	4.776.400
Các khoản khác	162.739.731	-
Cộng	2.741.683.527	1.712.832.265

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (liệp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch lớn không bằng tiền như sau:

	Năm nay
Đánh giá tăng tài sản cố định hữu hình	289.769.628.477
Đánh giá tăng tài sản cố định vô hình	65.000.000.000
Định giá trị thương hiệu của Công ty	176.752.281.000
Giảm nguyên liệu tồn kho kém chất lượng	43.177.841.583
Chuyển lợi nhuận trên vốn nhà nước phải nộp cho Tổng công ty	70.384.311.106
Chuyển các khoản đầu tư các công ty liên kết về tổng công ty	832.602.899.899
Giảm tài sản phúc lợi	7.144.444.111

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005941 ngày 18/1/2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp chính thức xác nhận Công ty trở thành Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty xi măng Việt nam	Đơn vị quản lý cấp trên
Công ty Holcim Việt nam	Công ty liên doanh
Cổ phần vận tải Hà tiên	Công ty liên kết
Cty TNHH bê tông hỗn hợp VN	Công ty liên doanh

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	VND
Cổ phần vận tải Hà tiên	Thuê vận chuyển xi măng	68.401.893.238
	Nhận cổ tức năm 2006	1.872.000.000
Cty TNHH bê tông hỗn hợp VN	Bán xi măng	55.760.557.100

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	VND
Tổng công ty xi măng Việt nam	Nợ và lãi vay dự án Xi măng Holcim	113.765.028.516
Cty TNHH bê tông hỗn hợp VN	Nợ tiền bán xi măng	17.114.842.400
Công nợ phải thu		130.879.870.916
Tổng công ty xi măng Việt nam	Lợi nhuận trên vốn nhà nước (năm 2005+2006)	70.384.311.106
Cổ phần vận tải Hà tiên	Chi phí vận chuyển phải trả	9.632.624.560
Công nợ phải trả		78.106.124.152

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Chi phí lãi vay

Chi tiết phân bổ chi phí lãi vay phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	29.372.980.077	28.534.406.135
Chi phí lãi vay được vốn hóa	10.367.247.575	4.724.839.608
Tổng chi phí lãi vay	39.740.227.652	33.259.245.743
Tỷ lệ vốn hóa	26%	14%

4. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót

Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2006 Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005, Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và đã được Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 như sau:

VAS 17	Thuế thu nhập doanh nghiệp
VAS 18	Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng
VAS 23	Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
VAS 27	Báo cáo tài chính giữa niên độ
VAS 28	Báo cáo bộ phận
VAS 29	Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót

Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Do áp dụng các Chuẩn mực và Chế độ kế toán trên nên một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính năm nay:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
			điều chỉnh lại
<i>Bảng cân đối kế toán</i>			
Chi phí phải trả	316	9.824.073.265	287.252.670
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	9.536.820.595
Cộng		9.824.073.265	9.824.073.265

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	66,03	34,15
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	33,97	65,85
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	68,94	37,16
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	31,06	62,84
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,45	2,69
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,17	1,18
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,58	0,24
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	3,09	3,29
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	2,50	2,52
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	2,47	3,70
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	2,00	2,83
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>			
Số phải nộp ngân sách phát sinh trong năm (chưa khấu trừ tỷ đồng thuế GTGT đầu vào)		6,44	4,50
		416	410

TP. HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2007



Võ Thùy Vân
Người lập biểu

Phạm Dinh Nhật Cường
Trưởng phòng tài chính kế toán

Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc

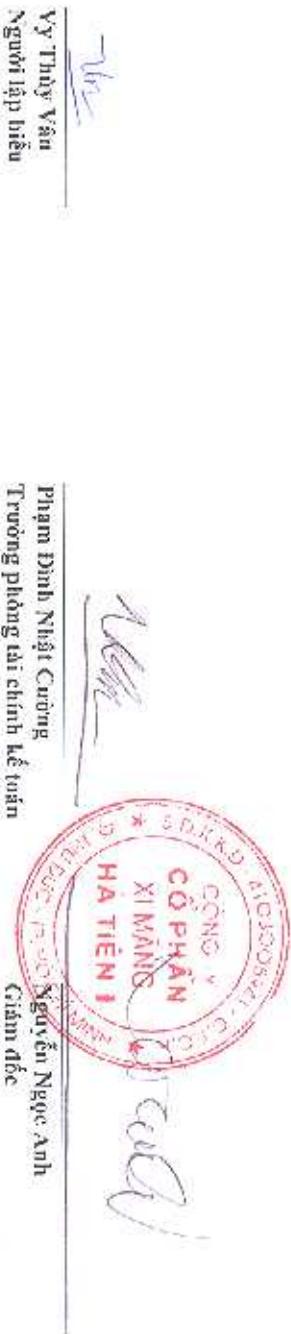
CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xã Lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Phụ lục 1: Hàng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	C่าง
902.723.726.123	-	166.663.990.747	40.540.250.000	-	1.109.927.966.870
Tăng vốn năm trước (25.000.000.000)	(140.769.374.399)				113.525.374.399 (165.769.374.399)
Số dư đầu năm trước					49.693.642.881
Trích lập các quỹ trong năm trước					(9.524.813.960)
Số dư cuối năm trước	991.249.100.522	(36.652.769) (36.652.769)	40.205.481.590 66.100.098.038	40.540.250.000	1.097.852.795.791
Số dư đầu năm này	991.249.100.522	(36.652.769)	66.100.098.038	40.540.250.000	1.097.852.795.791
Tăng vốn/CL/TG năm này (841.582.136.584)	678.876.499.944 124.005.920	(102.274.200.019)	(40.540.250.000)	679.000.505.864 (984.396.586.603)	679.000.505.864 53.370.729.264
Giảm vốn/quỹ năm này					
Lợi nhuận trong năm này					
Trích lập các quỹ trong năm này					(17.196.627.283)
Số dư cuối năm này	828.543.463.882	87.353.151	-	-	828.630.817.033

Các khoản tăng giảm vốn quỹ năm này chủ yếu là xác định lại giá trị doanh nghiệp. Ngoài ra, việc tăng quỹ là từ lợi nhuận phân phối trong năm 2006.



VY THUY VÂN
Trưởng phòng tài chính kế toán

Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc